



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500.444.444 cấp lần đầu ngày 25/12/2003 thay đổi lần 03 ngày 02/02/2010 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bông	Chủ tịch
Ông Vương Văn Long	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Long	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Năng	Thành viên
Ông Phùng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bông	Giám đốc
Ông Vương Văn Long	Phó Giám đốc
Ông Phùng Minh Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Phú Hùng	Trưởng ban
Ông Đỗ Khắc Thương	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hoàn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Địa chỉ: Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - Thành phố Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Văn Bông

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được lập ngày 18 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty thực hiện khấu hao hạng mục tài sản “Nhà cửa vật kiến trúc Nhà máy Xi măng Nam Sơn” với thời gian 50 năm, theo quy định tại Thông tư 45/2013 TT-BTC khung khấu hao tối đa đối với tài sản loại này là 25 năm. Do vậy, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2013 đang phản ánh thiếu số tiền 6,05 tỷ đồng, trong đó bao gồm chi phí khấu hao trích thiếu của năm 2011 là 0,45 tỷ đồng, năm 2012 và năm 2013 mỗi năm là 2,8 tỷ đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và 2013 đang phản ánh cao hơn so với thực tế số tiền là 2,8 tỷ đồng mỗi năm.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2012 và theo BCTC trước kiểm toán của Cty này lỗ hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty là 3.892.529.264 VND, lỗ hoạt động kinh doanh năm 2013 là 50.314.945 VND. Theo quy định của Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập tại thời điểm 31/12/2013 là 1.577.137.684 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên Bảng cân đối kế toán phản ánh thiếu và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 phản ánh tăng số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các nội dung sau đây: Theo thông báo số 111/TB/CCT-TB&TK ngày 16/01/2013 của Chi cục thuế huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội, số tiền thuê đất tại nhà máy Xi măng Nam Sơn mà Công ty phải nộp từ năm 2007 đến hết năm 2011 là: 1.615.244.400 VND, tiền phạt chậm nộp là: 863.862.072 VND. Tuy nhiên theo điều 3 khoản II Thông tư 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: Tổ chức, cá nhân được nhà nước cho thuê đất đã ứng trước để chi trả tiền bồi thường đất, hỗ trợ về đất thì được khấu trừ số tiền bồi thường đất đã chi trả vào tiền thuê đất phải nộp, mức được trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp cho cả thời hạn thuê đất ghi trong quyết định cho thuê hoặc hợp đồng thuê đất. Tổng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư Công ty đã chi trả là: 10.783.002.000 VND. Đến thời điểm hiện tại Công ty đang hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan thuế về việc giảm trừ tiền thuê đất tại Nhà máy Nam Sơn. Do vậy nghĩa vụ về tiền thuê đất phải nộp của nhà máy Xi măng Nam Sơn có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04 và số 14 của Báo cáo tài chính kèm theo, dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền Xi măng Sài Sơn II đã được đưa vào vận hành từ ngày 01/7/2012, tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2013 Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn đã bàn giao tài sản nhưng chưa bàn giao toàn bộ chi phí, nợ, vay của dự án xây dựng trạm nghiền xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II do dự án chưa thực hiện xong công tác quyết toán, thanh toán với nhà thầu, ngân hàng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.376.865.149	149.805.658.075
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.598.087.304	8.961.028.397
111	1. Tiền		5.598.087.304	8.961.028.397
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	70.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	70.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		121.540.912.809	123.697.673.999
131	1. Phải thu khách hàng		9.740.814.424	9.884.697.264
132	2. Trả trước cho người bán		5.539.986.011	6.830.278.909
135	3. Các khoản phải thu khác	4	107.120.513.544	107.726.818.059
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(860.401.170)	(744.120.233)
140	IV. Hàng tồn kho	5	26.129.913.789	15.952.646.341
141	1. Hàng tồn kho		26.129.913.789	15.952.646.341
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.107.951.247	1.124.309.338
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	4.275.608.952	553.287.817
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		298.953.656	120.731.218
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	533.388.639	450.290.303
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		407.890.223.219	429.514.066.779
220	II. Tài sản cố định		387.862.048.647	403.909.066.779
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	387.862.048.647	402.471.556.167
222	- Nguyên giá		453.107.062.616	454.134.586.007
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.245.013.969)	(51.663.029.840)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	1.817.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.817.600)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.437.510.612
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	20.005.000.000	20.005.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.000.000.000	20.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		23.174.572	5.600.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		23.174.572	-
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	5.600.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		566.267.088.368	579.319.724.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		285.924.743.995	306.305.454.604
310	I. Nợ ngắn hạn		129.851.222.884	188.006.438.226
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	66.270.393.835	81.290.936.666
312	2. Phải trả người bán		49.122.344.724	49.519.848.347
313	3. Người mua trả tiền trước		754.685.319	4.943.819.434
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	107.494.086	8.995.276.581
315	5. Phải trả người lao động		3.934.652.735	1.708.492.700
316	6. Chi phí phải trả	12	2.223.758.015	2.217.221.917
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	6.878.860.434	38.117.679.845
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		559.033.736	1.213.162.736
330	II. Nợ dài hạn		156.073.521.111	118.299.016.378
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	79.385.025.000	36.141.410.200
334	2. Vay và nợ dài hạn	15	76.451.875.000	82.157.606.178
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		236.621.111	-
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		280.342.344.373	273.014.270.250
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	280.342.344.373	273.014.270.250
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		97.580.000.000	97.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.815.713.000	57.815.713.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		96.099.124.551	96.099.124.551
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.758.000.000	9.758.000.000
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.811.263	1.811.263
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.087.695.559	11.759.621.436
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		566.267.088.368	579.319.724.854

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	373.209.935	373.209.935



Phan Quỳnh Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bổng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	320.212.068.042	251.336.431.621
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		320.212.068.042	251.336.431.621
11	3. Giá vốn hàng bán	18	289.025.149.424	226.347.718.536
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.186.918.618	24.988.713.085
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	5.329.339.415	4.685.110.127
22	6. Chi phí tài chính	20	20.895.127.162	28.324.225.823
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		20.829.537.622	28.103.855.904
24	7. Chi phí bán hàng	21	3.305.658.726	3.336.839.662
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.662.028.655	9.700.210.510
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.653.443.490	(11.687.452.783)
31	10. Thu nhập khác	23	5.593.488.590	2.129.715.601
32	11. Chi phí khác	24	1.690.857.957	2.294.325.151
40	12. Lợi nhuận khác		3.902.630.633	(164.609.550)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.556.074.123	(11.852.062.333)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.556.074.123</u>	<u>(11.852.062.333)</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	774	(1.215)

Phan Quỳnh Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bổng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.556.074.123	(11.852.062.333)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		32.253.767.755	40.923.905.419
02	Khấu hao tài sản cố định		17.707.148.109	17.507.659.642
03	Các khoản dự phòng		116.280.937	(2.500.000)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.399.198.913)	(4.685.110.127)
06	Chi phí lãi vay		20.829.537.622	28.103.855.904
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.809.841.878	29.071.843.086
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(2.793.397.083)	16.303.128.436
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(10.177.267.448)	389.097.567
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		8.309.563.680	(25.969.537.814)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.711.032.957)	(553.287.817)
13	Tiền lãi vay đã trả		(20.956.098.287)	(33.943.850.399)
14	Thuế TNDN đã nộp		(7.411.310.615)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.600.000.000	4.247.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(654.129.000)	(6.910.296.116)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.016.170.168	(21.608.656.057)
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(1.694.592.727)	(5.119.402.449)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		1.069.859.498	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(400.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000	570.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.901.895.977	89.414.565
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.347.162.748	(4.859.987.884)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		207.061.433.635	190.825.593.773
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(227.787.707.644)	(149.853.434.024)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(9.758.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.726.274.009)	31.214.159.749

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.362.941.093)	4.745.515.808
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.961.028.397	4.215.512.589
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>5.598.087.304</u>	<u>8.961.028.397</u>



Phan Quỳnh Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Sài Sơn - Huyện Quốc Oai - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 97.580.000.000 VND (Chín mươi bảy tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), tương đương 9.758.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần: 10.000 đồng.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Xi măng Nam Sơn	Xã Nam Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	Sản xuất Clinker và bán Clinker

Nhà máy Xi măng Nam Sơn được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên ngày 10/11/2011, mã số chi nhánh 0500.444.444-003. Nhà máy Xi măng Nam Sơn là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập và hạch toán kế toán phụ thuộc Văn phòng Công ty.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500.444.444 cấp lần đầu ngày 25/12/2003 thay đổi lần 03 ngày 02/02/2010 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng clinker và vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ du lịch.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau: giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập, giá trị thành phẩm xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang:

Đối với Nhà máy Xi măng Sài Sơn chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xi măng được xác định theo giá định mức 700.000 VND/1 tấn dở dang.

Đối với Nhà máy Xi măng Nam Sơn chi phí sản xuất kinh doanh dở dang clincer được xác định theo giá trị bình quân chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 05 - 08 năm |

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được phê duyệt bởi Đại hội cổ đông và thông báo của Hội đồng quản trị Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tỷ giá mua vào ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty thực hiện chính sách chiết khấu thương mại đối với khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, ghi giảm trên hóa đơn mua hàng tháng sau và ghi doanh thu theo số trên hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán phát sinh trong năm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	590.899.780	1.213.723.871
Tiền gửi ngân hàng	5.007.187.524	7.747.304.526
	<u>5.598.087.304</u>	<u>8.961.028.397</u>

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	57.962.564	25.847.749
Phải thu thuế nhà thầu	41.715.138	467.519.101
Phải thu lãi cho vay	23.139.000	349.731.042
Phải thu lãi trên khoản chi trả hộ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	-	4.245.964.520
Phải thu khác	106.997.696.842	102.637.755.647
- Phải thu cho Công ty TNHH Phú Thái Bình vay không lấy lãi	800.000.000	800.000.000
- Phải thu cho Công ty TNHH Phương Nam vay không lấy lãi	648.681.960	804.089.650
- Phải thu cho Công ty Cổ phần Contrexim số 1 vay không lấy lãi	-	400.000.000
- Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II - Dự án Trạm nghiền Xi măng Sài Sơn II ^[*]	105.452.650.720	100.625.630.244
- Phải thu tạm ứng các đối tượng đã nghỉ việc	88.328.400	-
- Phải thu các đối tượng khác	8.035.762	8.035.753
	107.120.513.544	107.726.818.059

[*] Theo biên bản thỏa thuận ngày 05/08/2009 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng Sài Sơn II với các nội dung:

- Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn thay Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II thực hiện dự án trạm nghiền xi măng 500.000 tấn/năm tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội trên cơ sở quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II. Toàn bộ tiền vốn góp của các cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II và vốn vay của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn với chi nhánh ngân hàng BIDV Sơn Tây sẽ được dùng để thực hiện dự án này.
- Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn sẽ thành lập Ban quản lý dự án, Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II cử người cùng tham gia giám sát việc thực hiện dự án và quản lý chi phí của dự án. Các chi phí dự án được hạch toán riêng.
- Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn bàn giao toàn bộ tài sản, chi phí, nợ vay của toàn bộ dự án công đoạn nghiền xi măng 500.000 tấn/năm cho Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II sau khi hoàn thành dự án (công trình bắt đầu đi vào khai thác sử dụng).
- Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện dự án như việc lựa chọn quy mô, công nghệ, nhà thầu thực hiện dự án... Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II cam kết chịu toàn bộ những rủi ro mà dự án có thể mang lại trong toàn bộ quá trình thực hiện.

Dự án đã được đưa vào vận hành từ ngày 01/07/2012. Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn đã bàn giao tài sản nhưng chưa bàn giao toàn bộ chi phí, nợ, vay của toàn bộ dự án công đoạn nghiền xi măng 500.000 tấn/năm cho Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II do dự án chưa thực hiện xong công tác quyết toán, thanh toán với nhà thầu, ngân hàng.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.549.416.680	13.996.442.449
Công cụ, dụng cụ	123.190.824	67.714.455
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.004.866.270	1.156.824.937
Thành phẩm	452.440.015	731.664.500
	26.129.913.789	15.952.646.341

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí vật tư giá trị lớn xuất dùng cần phân bổ ^[*]	4.187.846.416	441.430.501
Chi phí bảo hiểm	66.829.203	71.143.029
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	20.933.333	40.714.287
	4.275.608.952	553.287.817

[*] Đây là các chi phí gạch chịu lửa, gạch cao nhôm, gạch kiềng tính, bê tông chịu nhiệt phục vụ sửa chữa lò tại Nhà máy Xi măng Nam Sơn. Trong đó gạch cao nhôm phân bổ vào chi phí 12 tháng, các vật tư khác phân bổ vào chi phí trong 6 tháng.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	533.388.639	450.290.303
	533.388.639	450.290.303

15 - C.T. ...
TY
HỮU HẠN
TOÁN
C
IP. HÀ NỘI

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	178.001.759.302	269.345.486.188	6.089.658.244	303.368.569	394.313.704	454.134.586.007
Số tăng trong năm	3.132.103.339	-	-	-	-	3.132.103.339
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.132.103.339	-	-	-	-	3.132.103.339
Số giảm trong năm	(2.193.667.863)	(1.160.940.355)	(514.866.505)	(53.036.407)	(237.115.600)	(4.159.626.730)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.843.249.866)	(444.922.984)	(450.000.000)	-	-	(2.738.172.850)
- Phân loại tài sản theo TT45/2013/TT-BTC	(350.417.997)	(716.017.371)	(64.866.505)	(53.036.407)	(237.115.600)	(1.421.453.880)
Số dư cuối năm	178.940.194.778	268.184.545.833	5.574.791.739	250.332.162	157.198.104	453.107.062.616
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.819.685.545	26.367.669.540	3.900.583.878	180.777.173	394.313.704	51.663.029.840
Số tăng trong năm	3.855.911.332	13.455.109.935	374.686.995	21.439.847	-	17.707.148.109
- Khấu hao trong năm	3.855.911.332	13.455.109.935	374.686.995	21.439.847	-	17.707.148.109
Số giảm trong năm	(2.193.667.863)	(1.168.235.809)	(514.866.505)	(11.278.203)	(237.115.600)	(4.125.163.980)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.843.249.866)	(444.922.984)	(450.000.000)	-	-	(2.738.172.850)
- Phân loại tài sản theo TT45/2013/TT-BTC	(350.417.997)	(723.312.825)	(64.866.505)	(11.278.203)	(237.115.600)	(1.386.991.130)
Số dư cuối năm	22.481.929.014	38.654.543.666	3.760.404.368	190.938.817	157.198.104	65.245.013.969
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	157.182.073.757	242.977.816.648	2.189.074.366	122.591.396	-	402.471.556.167
Tại ngày cuối năm	156.458.265.764	229.530.002.167	1.814.387.371	59.393.345	-	387.862.048.647

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.020.282.483 VND.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 387.802.655.302 VND.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Đầu tư góp vốn Hợp tác xã Tín dụng Sài Sơn	5.000.000	5.000.000
	20.005.000.000	20.005.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Chương Mỹ, Hà Nội	40%	40%	Sản xuất kinh doanh Xi Măng, Clinke

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.998.618.835	38.048.836.666
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây ^[1]	29.998.618.835	28.486.238.658
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Hà Đông	-	9.562.598.008
Vay ngắn hạn đối tượng khác	17.544.400.000	16.951.100.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Kim Giang ^[2]	6.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Ba Vi ^[3]	4.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Vương Thị Mai Anh ^[4]	2.000.000.000	-
- Vay ngắn hạn cá nhân ^[5]	5.544.400.000	6.951.100.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.727.375.000	26.291.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Hà Đông	-	24.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	785.000.000	520.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	16.000.000.000	-
- Quỹ Bảo vệ Môi trường (Xem thuyết minh số 15)	1.942.375.000	1.771.000.000
	66.270.393.835	81.290.936.666

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ký ngày 24/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn Tây và Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
- Thời gian duy trì hạn mức: Từ 24/5/2013 đến 24/5/2014;
- Thời hạn vay: Theo từng kế ước nhận nợ cụ thể không quá 12 tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay: Được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với ngân hàng. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại

ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và các đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng. Bên vay cam kết bổ sung tài sản thế chấp khi ngân hàng yêu cầu.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 29.998.618.835 VND.

^[2] Hợp đồng số 32/HĐTD theo hạn mức ngày 17/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Kim Giang. Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 7 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay: Được xác định và điều chỉnh theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn Tây. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 6.000.000.000 VND. Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

^[3] Hợp đồng số 33/HĐTD theo hạn mức ngày 17/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Ba Vì. Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 7 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay: Được xác định và điều chỉnh theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn Tây. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 4.000.000.000 VND. Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

^[4] Theo Giấy nhận nợ ngày 18/12/2013 giữa bà Vương Thị Mai Anh và Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Số tiền vay: 2.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng. Lãi suất vay 15%/năm, trường hợp ngân hàng Nhà nước có chính sách làm biến động lãi suất vay trên thị trường, hai bên sẽ gặp nhau để đàm phán và ký phụ lục điều chỉnh lãi suất vay cho phù hợp với lãi suất vay của ngân hàng. Thời hạn cho vay: Trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

^[5] Công ty có chính sách huy động vốn cá nhân với các mức lãi suất 13%/năm cho các khoản vay có kỳ hạn gửi từ 181 ngày trở lên trả lãi sau, 12%/năm với kỳ hạn gửi từ 91 ngày đến đủ 180 ngày trả lãi sau, 10%/năm với kỳ hạn gửi từ 30 ngày đến đủ 90 ngày trả lãi sau, 3%/năm với kỳ hạn dưới 30 ngày trả lãi sau. Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	410.793.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.411.310.615
Thuế thu nhập cá nhân	69.177.998	71.707.128
Các loại thuế khác	38.316.088	1.101.465.502
	107.494.086	8.995.276.581

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	390.740.574	517.301.239
Trích trước chi phí tiền điện Sài Sơn	170.190.001	542.348.996
Trích trước chi phí tiền điện Nam Sơn	400.000.000	805.167.682
Trích trước chi phí thuê đất Nam Sơn ^[*]	1.262.827.440	352.404.000
	2.223.758.015	2.217.221.917

[*] Công ty đang tạm trích chi phí tiền thuê đất tại nhà máy Xi măng Nam Sơn năm 2012 và 2013 theo Quyết định số 3831/QĐ-STC ngày 30/7/2013 của Sở Tài chính Hà Nội về việc phê duyệt đơn giá thuê đất của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ và Quyết định số 50835/QĐ-CT-QLĐ ngày 19/12/2013 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội ngày 19/12/2013 về việc giảm tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	483.131.086	179.044.747
Bảo hiểm xã hội	161.126.731	299.549.944
Phải trả về cổ phần hóa	764.820.000	764.820.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.469.782.617	36.874.265.154
- Phải trả, phải nộp khác	5.469.782.617	36.874.265.154
	6.878.860.434	38.117.679.845

Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Vay không lãi suất Bà Phí Thị Vân ^[1]	3.000.000.000	-
- Phải trả nợ đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây khoản vay hộ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	-	36.141.410.200
- Phải trả CBNV trên tài khoản tạm ứng	359.194.056	56.135.425
- Tạm nhập than cám nhà máy Xi măng Nam Sơn	-	546.225.566
- Thuế nhà thầu tạm tính ^[2]	2.002.243.762	-
- Phải trả phải nộp khác	108.344.799	130.493.963
	5.469.782.617	36.874.265.154

[1] Đây là khoản vay tạm Bà Phí Thị Vân vào ngày 30/12/2013 để thanh toán các khoản công nợ cuối năm, công nợ đã được tất toán vào ngày 02/01/2014.

[2] Khoản thuế nhà thầu tạm tính đối với các hợp đồng Công ty đứng ra ký với nhà thầu thay cho Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II.

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây khoản vay hộ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II ^[*]	79.385.025.000	36.141.410.200
	79.385.025.000	36.141.410.200

[*] Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn đứng tên vay cho dự án xây dựng Trạm nghiền xi măng Sài Sơn II với công suất thiết kế 500.000 tấn/năm theo biên bản thỏa thuận ngày 05/08/2009 giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II và Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn về việc Công ty Xi măng Sài Sơn đứng ra vay vốn. Hợp đồng số 01/2009/HĐ ngày 09/10/2009 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây. Lãi suất cho vay thả nổi nhưng được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cộng với phí ngân hàng tối thiểu 3%/năm. Hạn mức cho vay: 3.765.000 USD. Số dư nợ gốc vay là 3.765.000 USD, quy đổi theo tỷ giá bình quân bán ra của Ngân hàng BIDV tại thời điểm 31/12/2013 là: 79.385.025.000 VND.

Theo văn bản sửa đổi bổ sung điều khoản hợp đồng ngày 19/8/2013 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo đó thời gian trả nợ gốc vay 3.765.000 USD được gia hạn thanh toán trong vòng 5 năm, từ năm 2015 đến năm 2019. Lịch thanh toán cụ thể như sau:

Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Cộng
USD	USD	USD	USD	USD	USD
600.000	600.000	800.000	960.000	805.000	3.765.000

15. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	66.740.000.000	69.760.606.178
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Hà Đông	-	68.315.606.178
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây ^[1]	140.000.000	1.445.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ^[2]	66.600.000.000	-
Vay dài hạn đối tượng khác	9.711.875.000	12.397.000.000
- Quỹ Bảo vệ Môi trường ^[3]	9.711.875.000	12.397.000.000
	76.451.875.000	82.157.606.178

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

^[1] Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây bao gồm hai hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 11/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 1.170.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua máy xúc;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Quý II/2012 áp dụng 20%/năm, các kỳ tiếp theo điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng công bố;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp đảm bảo nghĩa vụ của bên vay đối với ngân hàng;
- Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 505.000.000 VND, nợ dài hạn đến hạn trả là 505.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 02/2012/HĐ ngày 09/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 600.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua máy xúc lật bánh lốp;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Quý III/2012 áp dụng 19%/năm, các kỳ tiếp theo điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng công bố;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp đảm bảo nghĩa vụ của bên vay đối với ngân hàng;
- Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 420.000.000 VND, nợ dài hạn đến hạn trả là 280.000.000 VND.

^[2] Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 30/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với các điều khoản chi tiết như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 97.600.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bên vay nhận lại toàn bộ dự nợ vay tại Ngân hàng đối với khoản vay theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/HĐMBN/VIB-BIDV ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam; Thanh toán các chi phí còn lại của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Xi măng Nam Sơn - Giai đoạn 1, công suất 315.000 tấn clinker/năm;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân thanh toán tiền mua nợ;

- Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm (được áp dụng đến hết ngày 09/04/2014) và sau đó Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 10/01, 10/04, 10/07, 10/10 hàng năm theo quy định của Ngân hàng;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ tài sản thuộc dự án “Đầu tư Xây dựng Nhà máy xi măng Nam Sơn – Giai đoạn I, công suất 315.000 tấn clinker/năm”; Giá trị thương hiệu Xi măng Sài Sơn; Toàn bộ nhà xưởng máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ thuộc nhà máy xi măng Sài Sơn tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Giá trị Tài sản bảo đảm, phương thức xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất (của Khách hàng) số: DN056MM/2012/BĐ ngày 19/03/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay số: DN056.1/BĐ ngày 05/02/2009; Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu số: 01/HĐCG/2012 ngày 30/07/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: DN056.2/BĐ ngày 10/09/2012 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung, các Hợp đồng thế chấp sẽ ký giữa Ngân hàng, Bên vay và bất cứ Bên bảo đảm nào khác để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên vay (nếu có). Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Doanh nghiệp tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác. Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Doanh nghiệp và đối tác khác mà Doanh nghiệp là người thụ hưởng. Các Tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm khác đang bổ sung và sẽ bổ sung trong tương lai. Ngoài ra, Doanh nghiệp cam kết bổ sung các Biện pháp bảo đảm khác khi Ngân hàng có yêu cầu.
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2013 là 82.600.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 16.000.000.000 VND.

^[3] Hợp đồng tín dụng số 15/HĐTD/QMT-TD ngày 02/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội với các điều khoản chi tiết như sau:

- Mục đích vay: Đầu tư mua sắm trang thiết bị lọc bụi thuộc dự án xây dựng nhà máy Xi măng Nam Sơn công suất 1.000 tấn clinker/ngày tại xã Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội;
- Số tiền cho vay: 12.397.000.000 VND;
- Thời hạn vay 7 năm kể từ thời điểm giải ngân, trả nợ gốc 03 tháng/lần.
- Lãi suất cho vay 0,5%/tháng tương đương (6%/năm);
- Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2013 là 11.654.250.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.942.375.000 VND;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp được hình thành từ nguồn vốn vay.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối [*]	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	97.580.000.000	57.815.713.000	96.099.124.551	8.803.840.000	1.811.263	34.429.425.769	294.729.914.583
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(11.852.062.333)	(11.852.062.333)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(9.758.000.000)	(9.758.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	954.160.000	-	(954.160.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	453.416.000	453.416.000
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(330.998.000)	(330.998.000)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
Số dư cuối năm trước	97.580.000.000	57.815.713.000	96.099.124.551	9.758.000.000	1.811.263	11.759.621.436	273.014.270.250
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7.556.074.123	7.556.074.123
Trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
Số dư cuối năm nay	97.580.000.000	57.815.713.000	96.099.124.551	9.758.000.000	1.811.263	19.087.695.559	280.342.344.373

¹Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông số 246/ NQ- ĐHCĐ ngày 12/5/2012, Cổ tức năm 2011 phải trả cho cổ đông là 19.516.000.000 VND (tương đương 20% vốn điều lệ). Đến thời điểm 31/12/2013 khoản cổ tức này vẫn thể hiện trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do chưa có thông báo chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức.

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông số 321/ NQ- ĐHCĐ ngày 03/9/2013 thông quan việc tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng từ 97.580.000.000 VND thành 195.160.000.000 VND theo phương án cụ thể như sau:

- Trả cổ tức năm 2011 là 10% vốn điều lệ tương đương 9.758.000.000 VND.
- Phát hành cổ phiếu thưởng tương ứng 90% vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn tương đương 87.822.000.000 VND.

Đến nay Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để thực hiện chủ trương nêu trên của Đại hội cổ đông.

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông số 211/ NQ- ĐHCĐ ngày 15/6/2013, Công ty trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 số tiền 228.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	16.044.660.000	16,44%	16.044.660.000	16,44%
Ông Nguyễn Văn Bông	10.000.100.000	10,25%	10.000.100.000	10,25%
Vốn góp của đối tượng khác	71.535.240.000	73,31%	71.535.240.000	73,31%
	97.580.000.000	100,00%	97.580.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.580.000.000	97.580.000.000
Vốn góp đầu năm	97.580.000.000	97.580.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.580.000.000	97.580.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	9.758.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2010</i>	-	9.758.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.758.000	9.758.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.758.000	9.758.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.758.000	9.758.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.758.000	9.758.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.758.000	9.758.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	96.099.124.551	96.099.124.551
Quỹ dự phòng tài chính	9.758.000.000	9.758.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.811.263	1.811.263

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	320.212.068.042	251.336.431.621
	320.212.068.042	251.336.431.621

Doanh thu bán hàng đã giảm trừ giá trị các khoản chiết khấu thương mại theo chính sách bán hàng của Công ty với khách hàng mua xi măng với khối lượng lớn năm 2013 số tiền là 8.569.241.100 VND, năm 2012 số tiền là 4.788.185.450 VND.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	289.025.149.424	226.347.718.536
	289.025.149.424	226.347.718.536

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.001.744	439.145.607
Lãi tính trên khoản chi trả hộ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II ^[*]	5.197.337.671	4.245.964.520
	5.329.339.415	4.685.110.127

^[*] Theo các biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II về việc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn sẽ tính lãi các khoản đã trả hộ cho dự án công đoạn nghiền xi măng 500.000 tấn/năm của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II. Lãi suất xác định theo lãi suất cho vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố.

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.829.537.622	28.103.855.904
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	65.589.540	220.369.919
	20.895.127.162	28.324.225.823

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.851.066.346	2.430.779.489
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.260.000	3.005.000
Chi phí khác bằng tiền	1.452.332.380	903.055.173
	3.305.658.726	3.336.839.662

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.410.699	14.019.926
Chi phí nhân công	3.958.930.266	4.327.973.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.423.595.082	832.746.048
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	116.280.937	(2.500.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.551.660	330.358.932
Chi phí khác bằng tiền	3.034.260.011	4.197.611.637
	8.662.028.655	9.700.210.510

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	972.599.544	1.784.863.601
Thu từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	3.410.446.996	-
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	155.724.799	14.000.000
Thu từ cho thuê văn phòng, điện nước	1.054.717.251	330.852.000
	5.593.488.590	2.129.715.601

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	3.888.884
Vật tư, CCDC thanh lý	204.911.043	-
Chi phí cho thuê văn phòng, điện nước	837.397.000	-
Phạt chậm nộp thuế	571.258.623	-
Lãi chậm nộp BHXH	77.291.291	-
Phạt hợp đồng, phạt hành chính	-	73.303.267
Chi phí vay vốn kinh doanh	-	1.350.000.000
Chi phí giao dịch, tiếp khách	-	867.133.000
	1.690.857.957	2.294.325.151

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.556.074.123	(11.852.062.333)
Các khoản điều chỉnh tăng	892.846.476	2.433.449.989
- Các khoản tiền phạt	571.258.623	-
- Chi phí không hợp lệ	321.587.853	2.433.449.989
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.448.920.599	(9.418.612.344)
Chuyển lỗ từ năm trước	(9.418.612.344)	-
Thu nhập tính thuế năm nay	(969.691.745)	(9.418.612.344)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7.411.310.615	7.411.310.615
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.411.310.615)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính	-	7.411.310.615

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.556.074.123	(11.852.062.333)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.556.074.123	(11.852.062.333)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.758.000	9.758.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	774	(1.215)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	230.374.277.156	161.287.450.389
Chi phí nhân công	27.258.384.942	24.807.274.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.707.148.109	17.507.659.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.900.383.371	29.717.027.232
Chi phí khác bằng tiền	4.397.387.028	6.228.840.405
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	116.280.937	(2.500.000)
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	303.753.861.543	239.545.752.382

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.598.087.304	-	8.961.028.397	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.861.327.968	(860.401.170)	117.611.515.323	(744.120.233)
Các khoản cho vay	-	-	70.000.000	-
Đầu tư dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	122.464.415.272	(860.401.170)	126.647.543.720	(744.120.233)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	142.722.268.835	163.448.542.844
Phải trả người bán, phải trả khác	135.386.230.158	123.778.938.392
Chi phí phải trả	2.223.758.015	2.217.221.917
	280.332.257.008	289.444.703.153

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.598.087.304	-	5.598.087.304
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.000.926.798	-	116.000.926.798
Đầu tư dài hạn	-	5.000.000	5.000.000
Cộng	121.599.014.102	5.000.000	121.604.014.102
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.961.028.397	-	8.961.028.397
Phải thu khách hàng, phải thu khác	116.867.395.090	-	116.867.395.090
Các khoản cho vay	70.000.000	-	70.000.000
Đầu tư dài hạn	-	5.000.000	5.000.000
Cộng	125.898.423.487	5.000.000	125.903.423.487

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	66.270.393.835	75.123.625.000	1.328.250.000	142.722.268.835
Phải trả người bán, phải trả khác	56.001.205.158	79.385.025.000	-	135.386.230.158
Chi phí phải trả	2.223.758.015	-	-	2.223.758.015
	122.493.113.246	122.493.113.246	155.836.900.000	280.332.257.008

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	81.290.936.666	78.615.606.178	3.542.000.000	163.448.542.844
Phải trả người bán, phải trả khác	87.637.528.192	36.141.410.200	-	123.778.938.392
Chi phí phải trả	2.217.221.917	-	-	2.217.221.917
	171.145.686.775	114.757.016.378	3.542.000.000	289.444.703.153

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xi Măng	Clinker, vò bao	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	183.828.650.032	136.383.418.010	320.212.068.042
Giá vốn hàng bán	161.849.995.445	127.175.153.979	289.025.149.424
Lợi nhuận gộp	21.978.654.587	9.208.264.031	31.186.918.618
Tài sản bộ phận	325.084.919.656	241.182.168.712	566.267.088.368
Tổng tài sản	325.084.919.656	241.182.168.712	566.267.088.368
Nợ phải trả của các bộ phận	164.144.843.200	121.779.900.795	285.924.743.995
Tổng nợ phải trả	164.144.843.200	121.779.900.795	285.924.743.995

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ doanh thu trong năm của Công ty được tiêu thụ tại khu vực miền Bắc, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Công ty liên kết	145.859.593.248	33.593.408.950
Lãi vay phải thu			
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Công ty liên kết	5.197.337.671	4.245.964.520

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:


	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu		VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Công ty liên kết	105.452.650.720	104.871.594.764
Vay ngắn hạn			
Nguyễn Văn Bồng	Giám đốc	1.000.000.000	850.000.000
Vương Văn Long	Phó Giám đốc	500.000.000	483.500.000
Phùng Minh Tuấn	Phó Giám đốc	45.100.000	91.000.000
Đỗ Phú Hùng	Trưởng ban kiểm soát	22.000.000	91.000.000
Phan Quỳnh Anh	Kế toán trưởng	98.000.000	87.500.000
Nguyễn Chí Long	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
Nguyễn Hữu Năng	Thành viên HĐQT	26.000.000	23.500.000


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.456.871.456	1.300.292.569

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán.


Phan Quỳnh Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2014